

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC LẶC
TỈNH THANH HOÁ

Bản án số: 16/2025/HS-ST
Ngày 27 - 3 - 2025

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẶC TỈNH THANH HOÁ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Trung Thành

Ông Phạm Văn Diễm

- **Thư ký phiên toà:** Bà Lê Mỹ Duyên - Thư ký viên, Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà:** Bà Hoàng Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 15/2025/TLST-HS ngày 05 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2025, đối với bị cáo:

Phạm Văn K; sinh ngày 09 tháng 9 năm 1963; tại tỉnh Thanh Hoá; nơi cư trú: Khu phố L, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Hưu trí; số CCCD: 038063003645; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn C (Chết); con bà: Đinh Thị H (Chết); có vợ là Phạm Thị C1 và có 02 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/01/2025 cho đến nay. Có mặt.

- **Bị hại:** Anh Vũ Quốc K1; sinh năm: 1980; nơi cư trú: Khu phố L, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 04 giờ ngày 08/01/2025 Phạm Văn K, trú tại khu phố L, thị trấn N, huyện N đi bộ tập thể dục buổi sáng. Khi đi qua nhà anh Vũ Quốc K1 ở cùng phố, K nhìn thấy xe ô tô biển kiểm soát 36M-6593 của anh K1 để trên vỉa hè, cửa phía sau không đóng kín, K đi đến mở cửa xe nhìn thấy ghế trước bên phụ có 01 (Một) chiếc ví da, K lấy ví mở ra xem thấy trong ví có tiền nên K đã

lấy toàn bộ số tiền 7.700.000đ (Bảy triệu bảy trăm nghìn đồng) rồi đi về. Ngày 14/01/2025, anh K1 đến Công an huyện N trình báo. Chiều ngày 14/01/2025, Phạm Văn K đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại Kết luận giám định số 563/KL-KTHS ngày 24/01/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hoá kết luận: 34 (Ba mươi bốn) tờ tiền Việt Nam nêu ở mục II.1 Mẫu cần giám định là tiền thật.

Tại Kết luận giám định số 884/KL-KTHS ngày 18/02/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hoá kết luận: Không phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong 03 (Ba) tệp video của 02 (Hai) thẻ nhớ gửi giám định.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Tại Cáo trạng số 18/CT-VKS-NL ngày 05 tháng 3 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân (sau đây viết tắt là VKSND) huyện N, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố Phạm Văn K về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự (sau đây viết tắt là BLHS).

Tại phiên tòa, đại diện VKSND giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS: xử phạt bị cáo mức án tù từ 08 tháng đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 tháng đến 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; phạt tiền bổ sung bị cáo từ 8.000.000đ (Tám triệu đồng) đến 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng); bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên đề nghị không xem xét; đề nghị miễn án phí cho bị cáo.

Tại phiên tòa: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố và không có tranh luận gì với quan điểm của Viện kiểm sát.

Trong quá trình điều tra, bị hại thống nhất với nội dung sự việc như cáo trạng của Viện kiểm sát. Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị HĐXX cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đủ cơ sở chứng minh: Khoảng 04 giờ ngày 08/01/2025, tại khu phố L, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, Phạm Văn K lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác, quan sát thấy không có ai để ý, đã lén lút lấy trộm số tiền 7.700.000đ (Bảy triệu bảy trăm nghìn đồng) đựng trong 01 (Một) chiếc ví da trong xe ô tô biển kiểm soát 36M-6593 của anh Vũ Quốc K1 ở khu phố L, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo đã có hành vi phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng và có 06 tình tiết giảm nhẹ: bị cáo tự nguyện khắc phục hậu quả; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai trung thực các tình tiết của vụ án là đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có thành tích xuất sắc trong chiến đấu, công tác; đầu thú; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo quy định tại điểm b, i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[4] Bị cáo có 04 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 Điều 51 BLHS và 02 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng; ngoài lần phạm tội này, luôn chấp hành tốt chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú. Xét thấy bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên chưa cần cách ly khỏi xã hội mà cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ để giáo dục bị cáo thành người công dân tốt là phù hợp với Điều 65 BLHS.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có lương hưu nên cần áp dụng khoản 5 Điều 173; khoản 2, khoản 3 Điều 35 BLHS để phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không xem xét.

[7] Về vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ: Số tiền 7.700.000đ (Bảy triệu bảy trăm nghìn đồng); 01 (Một) mũ lưỡi trai màu đen; 01 (Một) áo khoác màu xám; 01 (Một) quần dài màu xám; 01 (Một) đôi giày màu vàng nâu; 01 (Một) khẩu trang màu xám. Sau khi giám định, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu là đúng quy định của pháp luật.

Lưu giữ theo hồ sơ vụ án 02 (Hai) thẻ nhớ Micro SD màu đen, chứa các tệp video đựng trong một phòng bì màu trắng đã được đóng dấu và chữ ký của những người liên quan.

[8] Về án phí: Bị cáo phạm tội khi trên 60 tuổi, bị cáo có đơn xin miễn án phí. Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, bị cáo thuộc trường hợp được miễn án phí. Vì vậy miễn án phí cho bị cáo.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự (sau đây viết tắt là BLTTHS). Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn K phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Phạm Văn K 08 (Tám) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 (Mười sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 và Điều 68 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo phạm tội mới thì Tòa án quyết định hình phạt đối với tội phạm mới và tổng hợp với hình phạt tù của bản án trước theo quy định tại Điều 55 và Điều 56 của BLHS.

Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 173; khoản 2, khoản 3 Điều 35 BLHS: Phạt tiền bị cáo Phạm Văn K 10.000.000đ (Mười triệu đồng) nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7a và 9 Luật thi hành án

dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện Ngọc Lặc;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- CQĐT CA tỉnh Thanh Hoá (PC 02);
- CQTHAHS CA tỉnh Thanh Hoá (PC 10);
- Chi cục THADS huyện Ngọc Lặc;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu HSVA; Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Văn Thịnh